

*Lục Ngạn, ngày 15 tháng 03 năm 2022.*

Số: 07/2022/QĐST- DS.

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 158; Điều 219; Điều 221; Điều 234; Điều 235; Điều 609; Điều 612; Điều 613; Điều 649; Điều 651; Điều 660 BLDS.

Căn cứ vào Điều 99; Điều 104; Điều 105; Điều 166; Điều 167; Điều 170 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Điều 33; Điều 66 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 03 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án “Chia tài sản chung và chia di sản thừa kế” thụ lý số: 94/2022/TLST- DS, ngày 29 tháng 10 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**\* Nguyên đơn:** Nguyễn Thị N, sinh năm 1951.

- Địa chỉ: Thôn Nguộn Ngoài, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang.

**\* Bị đơn:** Lê Đức H, sinh năm 1972.

- Địa chỉ: Thôn Phố Chợ, Tân Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**\* Người liên quan:**

- Lê Đức Lân, sinh năm 1974.

- Lê Đức Hợi, sinh năm 1983.

- Điều trú tại: Nguộn Ngoài, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Lê Thị Thom, sinh năm 1988

- Trú tại: Thôn Lầy, xã Đào Viên, Quê Võ, Bắc Ninh.

- UBND huyện Lục Ngạn do ông Mai Văn Dương - Phó trưởng phòng tài nguyên môi trường huyện Lục Ngạn là đại diện theo uỷ quyền.

## **2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Giao cho bà Nguyễn Thị N tổng diện tích 107,4 m<sup>2</sup> đất nằm trong GCNQSD đất số: GCNQSD đất số: 00604/QSDĐ/ số 290/QĐ-UB (H) cấp ngày 2/7/2001. Phần đất bà Nguyễn Thị N được giao có chiều dài như sau (8,2 + 10,8 + 7,1 + 3,9 + 7,9 + 10,4).

Trong đó có:

- 90 m<sup>2</sup> đất ở x 4.900.000 đồng/01 m<sup>2</sup> = 441.000.000 đồng.

- 17,4m<sup>2</sup> đất vườn x 220.000 đồng/01 m<sup>2</sup> = 3.828.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N được sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản trên đất: 03 cây bưởi đường kính gốc 7 – 9cm x 1.775.000 đồng/01 cây = 5.325.000 đồng; 01 nhà vệ sinh hết giá trị sử dụng và toàn bộ tài sản cây cối khác trên diện tích 107,4 m<sup>2</sup>.

**Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị N được hưởng là = 450.153.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng).**

2.2 Giao cho chị Lê Thị Thơm tổng diện tích đất 322,5m<sup>2</sup> nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCNQSD đất số: 00604/QSDĐ/ số 290/QĐ-UB (H) cấp ngày 2/7/2001. Phần đất chị Lê Thị Thơm được giao có chiều dài như sau ( 9,4 + 4,4 + 2,0 + 3,6 + 3,0 + 7,2 + 12,3 + 11,4 + 4,1 + 8,1 + 10,2 + 4,2).

Trong đó có:

- 90 m<sup>2</sup> đất ở x 4.900.000 đồng/01 m<sup>2</sup> = 441.000.000 đồng.

- 232,5 đất vườn x 220.000 đồng/01 m<sup>2</sup> = 51.150.000 đồng.

Chị Lê Thị Thơm sở hữu và sử dụng tài sản trên diện tích đất 322,5 m<sup>2</sup> cụ thể:

- 08 cây vải đường kính tán 3,5m – 4 m x 3.620.000 đồng = 28.960.000 đồng.

- 10 cây bưởi đường kính gốc từ 1 -2cm x 380.000 đồng = 3.800.000 đồng.

Và toàn bộ tài sản cây cối khác trên diện tích 322,5 m<sup>2</sup>.

\* Chị Lê Thị Thơm trích trả cho anh Lê Đức H 5.800.000 đồng. Thời hạn thanh toán: 18/3/2022 (Dương lịch).

**Tổng giá trị tài sản chị Lê Thị Thơm được hưởng thực tế = 519.110.000 (Năm trăm mười chín triệu một trăm mười nghìn đồng).**

2.3. Giao cho anh Lê Đức Hợi tổng diện tích đất 445,6 m<sup>2</sup> nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCNQSD đất số: 00604/QSDĐ/ số 290/QĐ-UB (H) cấp ngày 2/7/2001. Phần đất anh Hợi được hưởng có chiều dài (2,0 + 3,5 + 4,8 + 3,9 + 5,2 + 5,5 + 7,4 + 13,1 + 0,5 + 13 + 2,4 + 5,3 + 7,7 + 9,4).

Trong đó có:

- 95 m<sup>2</sup> đất ở x 4.900.000 đồng/01 m<sup>2</sup> = 465.500.000 đồng.

- 350,6 m<sup>2</sup> đất vườn x 220.000 đồng/01 m<sup>2</sup> = 77.132.000 đồng.

Anh Lê Đức Hợi sở hữu và sử dụng tài sản trên diện tích đất 445,6 m<sup>2</sup> cụ thể:

- 09 cây bưởi từ 2cm – 5m x 380.000 đồng = 3.420.000 đồng.

- 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 2012 có diện tích  $4,35 \times 9 \times 2.720.000$  đồng  $\times 6,67\% = 42.600.000$  đồng.

- 01 bán mái tôn xây dựng năm 2012 có diện tích  $7,4m \times 9m \times 335.000$  đồng/ $01 m^2 \times 10\% = 2.231.000$  đồng.

- 01 bán mái tôn (làm năm 2012) có diện tích  $3,7m \times 4,5m \times 335.000$  đồng  $\times 10\% = 558.000$  đồng

- 01 bếp xây dựng năm 2013:  $8m \times 3,2m \times 900.000$  đồng  $\times 10\% = 2.304.000$  đồng.

- 01 khu vệ sinh, 01 chuồng lợn hết giá trị sử dụng.

- 01 cổng sắt  $2,4m \times 3m \times 1.030.000$  đồng  $\times 30\% = 2.224.000$  đồng.

- 02 trụ cổng (năm 2014)  $\times 0,48m \times 0,48m \times 2,6m \times 1.180.000$  đồng  $\times 30\% = 424.000$  đồng.

- 01 tường vảnh lao (năm 2015):  $33,4 \times 1,7m \times 160.000$  đồng  $\times 40\% = 3.634.000$  đồng.

Và toàn bộ tài sản cây cối khác trên diện tích  $445,6m^2$ .

\* Anh Lê Đức Hợi trích trả cho anh Lê Đức H  $10.000.000$  đồng. Thời hạn thanh toán: 18/03/2022 (Dương lịch).

***Tổng giá trị tài sản anh Lê Đức Hợi được hưởng thực tế = 590.027.000 đồng.***

***2.4. Tổng giá trị tài sản anh Lê Đức H được hưởng = 15.800.000 đồng.***

3. Sau khi chị Lê Thị Thơm thanh toán xong số tiền  $5.800.000$  đồng, anh Lê Đức Hợi thanh toán xong số tiền  $10.000.000$  đồng cho anh Lê Đức H và thực hiện các nghĩa vụ án phí đối với nhà nước thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào Quyết định này của Toà án để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Lê Thị Thơm và anh Lê Đức Hợi.

Cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào Quyết định của Toà án để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N.

5. Về án phí: Áp dụng nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

- Chị Lê Thị Thơm phải chịu =  $12.398.200$  đồng.

- Anh Lê Đức Hợi phải chịu =  $13.800.540$  đồng.

- Anh Lê Đức H phải chịu =  $395.000$  đồng.

Anh Lê Đức Hợi nhận chịu số tiền án phí của anh Lê Đức H =  $395.000$  đồng.

Tổng số tiền án phí anh Lê Đức Hợi phải chịu là:  $14.195.540$  đồng.

6. Chi phí xem xét thẩm định: Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định là  $4.400.000$  đồng. Bà Nguyễn Thị N nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Bà Nhung đã nộp đủ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*(Có sơ đồ đo đạc chỉnh lý thửa đất số 872 tờ bản đồ số 15 kèm theo).*

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- CCTHADS huyện Lục Ngạn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**